TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/01/2024.
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Quỳnh, bà Bồ Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án thành phố S tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Huyền T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Quàng Đức G, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản N, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huyền T và anh Quàng Đức G đăng ký kết hôn ngày 12/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố S, việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 2/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do Anh G không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh chị đã sống ly thân một thời gian, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Quàng Đức G.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Quàng Lê Gia B, sinh ngày 24/01/2021, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung, tài sản riêng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Trong bản tự khai, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huyền T và anh Quàng Đức G đã đăng ký kết hôn ngày 12/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố S.. Kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ Anh G tại tiểu khu A, xã C, thành phố S. Quá trình chung sống hạnh phúc, sau kết hôn Anh G tiếp tục đi học đại học tại Hà Nội, chị T ở cùng bố mẹ chồng, A cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn và không nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án không chấp nhận việc xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Quàng Lê Gia B, sinh ngày 24/01/2021, nếu bắt buộc phải ly hôn, A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung, tài sản riêng: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Xử cho chị Lê Huyền T ly hôn anh Quàng Đức G. Giao con chung Quàng Lê Gia B, cho chị Lê Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con

chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang theo học Đại học, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn Anh G chỉ có bản tự khai gởi đến Toà án, không đến hoà giải do vậy chị T đã có đơn đề nghị không hoà giải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huyền T và anh Quàng Đức G kết hôn với nhau năm 2021 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.Theo quan điểm của Chị T, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn do Anh G nợ nần, không quan tâm đến vợ con cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc.

Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại anh G đang đi học, không có mặt tại địa phương, Chị T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, Anh G1 cho rằng mâu thuẫn gia đình chưa đến mức phải ly hôn nhưng lại không có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập Anh G1 đến để làm việc, hòa giải nhưng Anh G1 không có mặt. Như vậy, có căn cứ xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Lê Huyền T được ly hôn với Anh Quàng Đức G.

[3] Về con chung:

Anh chị có 01 con chung Quàng Lê Gia B sinh ngày 24/01/2021, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con vì bản thân anh G còn đi học, chưa có thu nhập. Đối với Anh G tại phiên toà cũng xin được nuôi con nếu phải ly hôn, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Anh G còn đi học chưa có thu nhập, mặt khác con cung của anh chị chưa tròn 36 tháng nên cần giao cho chị Lê huyền T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Nếu anh G có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi anh có yêu cầu và có đủ điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị Lê Huyền T ly hôn anh Quàng Đức G.

2. Về con chung:

Giao con chung Quàng Lê Gia B, sinh ngày 24/01/2021 cho chị Lê Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Huyền T không yêu cầu anh Quàng Đức G cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lê Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000158 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. (Ngày 18/01/2024)

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND xã Chiềng Ngần, tp. Sơn La, tỉnh Sơn La (*để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật);*
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hồng